TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 756/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2019
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 1523/2A đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 81 đường Đ, Phường b, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Hồng Điệp, sinh năm: 1985; Địa chỉ: 1523/2A đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 18 tháng 02 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày: Ông T và bà Võ Thị Hồng Đ chung sống vợ chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 15/01/2010. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau về tình cảm nên đã ly thân từ

tháng 01/2019 cho đến nay. Bản thân ông T không còn tình cảm với bà Đ nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Võ Thị Hồng Đ. Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Xuân T, sinh ngày: 13/12/2010; Nguyễn Tấn K, sinh ngày 28/7/2013 ngoài ra không có con chung nào khác. Ông T đồng ý giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Xuân T; Nguyễn Tấn K. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 5 năm 2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Võ Thị Hồng Đ trình bày: Bà Đ xác nhận lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Đ sống chung với gia đình chồng, được gia đình chồng rất yêu thương, bản thân bà Đ không làm gì có lỗi với gia đình và chồng. Đến đầu năm 2019 ông T tự ý bỏ nhà đi ra ngoài sống chứ giữa hai vợ chồng không có gì mâu thuẫn để dẫn đến ly hôn. Bà Đ tha thiết muốn được đoàn tụ, vì giữa bà Đ và ông T từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì cả. Bà Đ không muốn cha mẹ chồng và các con tổn thương. Bà Đ nghĩ 02 vợ chồng cần có thêm thời gian để suy nghĩ và quay về với gia đình. Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Xuân T, sinh ngày: 13/12/2010; Nguyễn Tấn K, sinh ngày 28/7/2013 ngoài ra không có con chung nào khác. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Trong thời gian gần đây giữa ông Đ và cha mẹ vợ có xảy ra mâu thuẫn chủ yếu trong lời nói, xử sự và làm kinh tế. Ông T xác nhận giữa ông T và bà Đ không có mâu thuẫn gì nhưng bản thân ông T hiện nay không còn tình cảm yêu thương hay lưu luyến gì với bà Đ; Nên ông T không muốn sống với bà Đ nữa. Ông T đồng ý giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Xuân T; Nguyễn Tấn K. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn xin được đoàn tụ gia đình. Vì bản thân bà Đ vẫn còn rất yêu thương chồng con, không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Hơn nữa bà Đ chưa chấn bị tâm lý cũng như không chấp nhận lý do xin ly hôn của ông T vì giữa bà Đ và ông T không có mâu thuẫn gì cả. Bà Đ đề nghị Toà án cho bà Đ và ông T có thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian này bà vẫn làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, người con dâu chờ ông T trở về đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ

án: Xét mâu thuẫn giữa ông T và bà Đ là những tranh cãi nhỏ nhặt trong cuộc sống, chưa xảy ra vấn đề nghiêm trọng, tình cảm của bà Đ và các con chung dành cho ông T vẫn còn nên việc ly hôn là không cần thiết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2010 cho ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Hồng Đ; Bản sao Giấy khai sinh số 10, quyển 01/2011 đăng ký ngày 10/01/2011 mang tên Nguyễn Xuân T; Bản sao Giấy khai sinh số 317, quyển 02/2013 đăng ký ngày 13/8/2013 mang tên Nguyễn Tấn K; Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Hồng Đ chung sống vợ chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 15/01/2010 nên xác đinh đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T xin ly hôn với bà Võ Thị Hồng Đ do vợ chồng không hợp nhau, bản thân ông T không còn tình cảm với bà Đ nữa. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa ông Tkhông đưa ra chứng cứ chứng minh về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà Đ chưa đến mức trầm trọng, hai bên cần có thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T xin ly hôn bà Võ Thị Hồng Đ là không có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì yêu cầu xin ly hôn là chưa có căn cứ.

Yêu cầu về ly hôn của ông T không được chấp nhận nên quan hệ về con chung, tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T xin ly hôn bà Võ Thị Hồng Đ.

2. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Tấn T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0019121 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông Nguyễn Tấn T đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**HỘI THẨM NHÂN DÂN**	**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**